

基準点測量 距離補正計算

平均ソート高 = 42.855
平均縮尺係数 = 0.999963

測 点	器械高 m	高 度 角 °	概算標高 m	球面距離 m	平面距離 m
A-R2	g = 1.595	V1 = - 3 57 20	H1 = 735.280		
B-R5	m = 1.539	V2 = + 3 57 5	H2 = 732.622		
	D = 39.370	Vm = - 3 57 13	Hm = 735.518	39.272	39.270
A-R2	g = 1.595	V1 = - 4 58 13	H1 = 735.280		
B-R1	m = 1.563	V2 = + 4 58 31	H2 = 732.674		
	D = 30.825	Vm = - 4 58 22	Hm = 735.556	30.705	30.704
A-R2	g = 1.595	V1 = + 3 16 43	H1 = 735.280		
A-R2C	m = 1.488	V2 = - 3 17 9	H2 = 735.701		
	D = 5.489	Vm = + 3 16 56	Hm = 737.032	5.479	5.479
B-R1	g = 1.563	V1 = -10 54 18	H1 = 732.674		
B-R2	m = 1.583	V2 = +10 53 39	H2 = 722.863		
	D = 51.780	Vm = -10 53 59	Hm = 729.342	50.840	50.838
B-R2	g = 1.579	V1 = - 8 52 29	H1 = 722.863		
B-R12	m = 1.593	V2 = + 8 51 51	H2 = 717.499		
	D = 34.700	Vm = - 8 52 10	Hm = 721.767	34.281	34.280
B-R2	g = 1.579	V1 = - 2 31 47	H1 = 722.863		
B-R3	m = 1.580	V2 = + 2 31 23	H2 = 721.159		
	D = 37.820	Vm = - 2 31 35	Hm = 723.591	37.779	37.777
B-R3	g = 1.580	V1 = - 9 12 11	H1 = 721.159		
B-R11	m = 0.100	V2 = + 9 11 43	H2 = 717.595		
	D = 31.563	Vm = - 9 11 57	Hm = 720.217	31.153	31.152
B-R3	g = 1.580	V1 = - 3 52 29	H1 = 721.159		
B-R6	m = 1.593	V2 = + 3 52 6	H2 = 717.586		
	D = 52.732	Vm = - 3 52 18	Hm = 720.959	52.605	52.603
B-R3	g = 1.580	V1 = + 7 7 20	H1 = 721.159		
B-R4	m = 1.572	V2 = - 7 6 57	H2 = 725.991		
	D = 38.929	Vm = + 7 7 9	Hm = 725.151	38.624	38.623
B-R5	g = 1.572	V1 = -12 46 50	H1 = 732.622		
B-R4	m = 1.572	V2 = +12 46 49	H2 = 725.991		
	D = 29.976	Vm = -12 46 50	Hm = 730.879	29.230	29.229

基準点測量 距離補正計算

平均ソ'オト'高 = 42.855
平均縮尺係数 = 0.999963

測 点	器械高 m	高 度 角 °	概算標高 m	球面距離 m	平面距離 m
B-R7	g = 1.500	V1 = + 1 31 41	H1 = 716.436		
B-R6	m = 1.500	V2 = - 1 32 22	H2 = 717.586		
	D = 42.989	Vm = + 1 32 2	Hm = 718.511	42.968	42.967
B-R7	g = 1.500	V1 = - 7 55 58	H1 = 716.436		
B-R8	m = 1.500	V2 = + 7 55 43	H2 = 711.635		
	D = 34.920	Vm = - 7 55 51	Hm = 715.536	34.582	34.581
A-R3	g = 1.715	V1 = - 9 37 23	H1 = 722.700		
B-R7	m = 1.500	V2 = + 9 37 12	H2 = 716.436		
	D = 38.663	Vm = - 9 37 18	Hm = 721.176	38.115	38.113
B-R8	g = 1.500	V1 = - 1 22 50	H1 = 711.635		
B-R9	m = 1.500	V2 = + 1 22 38	H2 = 710.426		
	D = 50.267	Vm = - 1 22 44	Hm = 712.531	50.246	50.245
B-R9	g = 1.500	V1 = + 4 25 59	H1 = 710.426		
B-R10	m = 1.500	V2 = - 4 26 44	H2 = 713.271		
	D = 37.014	Vm = + 4 26 22	Hm = 713.349	36.899	36.897
B-R9	g = 1.500	V1 = - 5 7 30	H1 = 710.426		
B-R13	m = 1.500	V2 = + 5 7 27	H2 = 706.078		
	D = 48.683	Vm = - 5 7 29	Hm = 709.752	48.483	48.481
B-R13	g = 1.500	V1 = - 5 1 54	H1 = 706.078		
B-R14	m = 0.300	V2 = + 5 2 25	H2 = 703.687		
	D = 40.908	Vm = - 5 2 10	Hm = 705.783	40.745	40.744
B-R10	g = 1.500	V1 = + 6 37 50	H1 = 713.271		
B-R11	m = 1.500	V2 = - 6 37 42	H2 = 717.595		
	D = 37.459	Vm = + 6 37 46	Hm = 716.933	37.204	37.203
B-R10	g = 1.500	V1 = + 6 5 20	H1 = 713.271		
B-R12	m = 1.500	V2 = - 6 5 5	H2 = 717.499		
	D = 39.548	Vm = + 6 5 13	Hm = 716.885	39.320	39.319
B-R10	g = 1.500	V1 = - 3 25 31	H1 = 713.271		
B-R10C	m = 1.500	V2 = + 3 25 18	H2 = 713.075		
	D = 3.281	Vm = - 3 25 25	Hm = 714.673	3.275	3.275

基準点測量 距離補正計算

平均ソート高 = 42.855
平均縮尺係数 = 0.999963

測 点	器械高 m	高 度 角 °	概算標高 m	球面距離 m	平面距離 m
B-R12	g = 1.500	V1 = + 1 28 12	H1 = 717.499		
B-R17	m = 1.500	V2 = - 1 28 39	H2 = 718.667		
	D = 45.416	Vm = + 1 28 26	Hm = 719.583	45.396	45.394
B-R16	g = 1.500	V1 = - 9 50 5	H1 = 714.329		
B-R15	m = 1.500	V2 = + 9 49 54	H2 = 708.481		
	D = 34.238	Vm = - 9 50 0	Hm = 712.905	33.731	33.730
B-R16	g = 1.500	V1 = + 8 7 16	H1 = 714.329		
B-R17	m = 1.500	V2 = - 8 7 25	H2 = 718.667		
	D = 30.701	Vm = + 8 7 21	Hm = 717.998	30.389	30.388
B-R14	g = 1.500	V1 = + 6 56 18	H1 = 703.687		
B-R15	m = 1.500	V2 = - 6 56 26	H2 = 708.481		
	D = 39.587	Vm = + 6 56 22	Hm = 707.584	39.292	39.291
B-R21	g = 1.500	V1 = + 2 15 25	H1 = 701.969		
B-R14	m = 1.500	V2 = - 2 15 44	H2 = 703.687		
	D = 43.572	Vm = + 2 15 35	Hm = 704.328	43.533	43.531
B-R20	g = 1.730	V1 = + 5 11 14	H1 = 697.801		
B-R21	m = 1.500	V2 = - 5 11 43	H2 = 701.969		
	D = 43.529	Vm = + 5 11 29	Hm = 701.500	43.345	43.344
A-R1	g = 1.640	V1 = + 7 14 49	H1 = 701.960		
B-R19	m = 1.500	V2 = - 7 15 0	H2 = 707.103		
	D = 39.648	Vm = + 7 14 55	Hm = 706.102	39.327	39.325
A-R1	g = 1.640	V1 = - 7 27 51	H1 = 701.960		
B-R20	m = 1.730	V2 = + 7 28 17	H2 = 697.801		
	D = 31.230	Vm = - 7 28 4	Hm = 701.566	30.961	30.960
B-R19	g = 1.500	V1 = + 1 54 22	H1 = 707.103		
B-R18	m = 1.500	V2 = - 1 54 49	H2 = 709.086		
	D = 59.493	Vm = + 1 54 36	Hm = 709.595	59.453	59.451
B-R18	g = 1.500	V1 = + 9 54 38	H1 = 709.086		
B-R16	m = 1.500	V2 = - 9 54 56	H2 = 714.329		
	D = 30.452	Vm = + 9 54 47	Hm = 713.208	29.994	29.993

基準点測量 距離補正計算

平均ソート高 = 42.855
平均縮尺係数 = 0.999963

測 点	器械高 m	高 度 角 °	概算標高 m	球面距離 m	平面距離 m
B-R18	g = 1.500	V1 = + 2 15 3	H1 = 709.086		
B-R18-1	m = 1.500	V2 = - 2 14 58	H2 = 710.492		
	D = 35.791	Vm = + 2 15 1	Hm = 711.289	35.759	35.758